

CHI TIẾT GIAO DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 355/QĐ-UBND ngày 31/7/2025 của UBND phường Thành Đông)

ĐƠN VỊ: VĂN PHÒNG ĐẢNG ỦY PHƯỜNG, MÃ QHNS: 1144452

Đơn vị tính: nghìn đồng

STT	TỔNG CHI NGÂN SÁCH	MÃ NGÀNH KINH TẾ	DỰ TOÁN GIAO NĂM 2025	TRONG ĐÓ	
				NGUỒN TỰ CHỦ (13)	NGUỒN KHÔNG TỰ CHỦ (12)
A	CHI ĐẦU TƯ XDCB				
B	CHI THƯỜNG XUYÊN	340-351	5,242,000	4,042,000	1,200,000
I	Chi thường xuyên KP tự chủ		4,042,000	4,042,000	-
1	Quỹ tiền lương, phụ cấp (18 người)		1,769,229	1,769,229	
2	Phụ cấp cấp ủy (29 người)		122,148	122,148	
3	Cán bộ công chức, người lao động hợp đồng không xác định thời hạn làm việc trong các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc đảng ủy		78,000	78,000	
4	Chế độ bồi dưỡng văn thư, kế toán		3,510	3,510	
5	Chi hoạt động thường xuyên (VPP, photo, nước uống, sửa chữa máy móc, thiết bị, làm thêm giờ, công tác phí, mua sắm, sửa chữa trang thiết bị làm việc phục vụ công tác chuyên môn...)		1,638,000	1,638,000	
6	Chi nghiệp vụ (theo QĐ 443-QĐ/TU)		303,113	303,113	
7	Xe ô tô (xăng xe, sửa chữa...)		66,000	66,000	
8	Tổ dân vận (39 tổ)		62,000	62,000	
II	Chi thường xuyên KP không tự chủ		1,200,000	-	1,200,000
1	Kinh phí Đại hội Đảng bộ phường nhiệm kỳ 2025-2030		1,200,000		1,200,000

5242000

-

CHI TIẾT GIAO DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2025
(Kèm theo Quyết định số 355/QĐ-UBND ngày 31/7/2025 của UBND phường Thành Đông)

ĐƠN VỊ: TRUNG TÂM HÀNH CHÍNH CÔNG, MÃ QHNS: 1143446

Đơn vị tính: nghìn đồng

STT	TỔNG CHI NGÂN SÁCH	MÃ NGÀNH KINH TẾ	DỰ TOÁN GIAO NĂM 2025	TRONG ĐÓ	
				NGUỒN TỰ CHỦ (13)	NGUỒN KHÔNG TỰ CHỦ (12)
A	CHI ĐẦU TƯ XDCB				
B	CHI THƯỜNG XUYÊN	340-341	902,000	-	902,000
I	Chi thường xuyên KP không tự chủ		902,000	-	902,000
	Số biên chế: 8 người		-		
	Trong đó:		-		
1	Chi thường xuyên		687,000		687,000
2	Chi hoạt động của trung tâm phục vụ HCC		187,000		187,000
3	Chi kiểm soát TTHC		28,000		28,000
II	Chi thường xuyên KP tự chủ		-	-	-

902000

-

CHI TIẾT GIAO DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 355/QĐ-UBND ngày 31/7/2025 của UBND phường Thành Đông)

ĐƠN VỊ: ỦY BAN MẶT TRẬN TỔ QUỐC PHƯỜNG, MÃ QHNS: 1144706

Đơn vị tính: nghìn đồng

STT	TỔNG CHI NGÂN SÁCH	MÃ NGÀNH KINH TẾ	DỰ TOÁN GIAO NĂM 2025	TRONG ĐÓ	
				NGUỒN TỰ CHỦ (13)	NGUỒN KHÔNG TỰ CHỦ (12)
A	CHI ĐẦU TƯ XDCB				
B	CHI THƯỜNG XUYỀN		2,338,000	-	2,338,000
I	Chi thường xuyên KP không tự chủ		2,338,000	-	2,338,000
	Số biên chế: 8 người		-		
	Trong đó:		-		
1	Chi thường xuyên	340-361	604,122		604,122
2	Chi Phụ cấp Trường Ban CTMT các tổ dân phố	340-361	782,028		782,028
3	Chi hoạt động chuyên môn	340-361	911,850	-	911,850
3.1	<i>Chi hoạt động Ủy ban MTTQ</i>		<i>425,100</i>	-	<i>425,100</i>
	KP triển khai các hoạt động chuyên môn: Tổ chức Hội nghị; Kỷ niệm Ngày truyền thống MTTQ Việt Nam; Hoạt động giám sát phân biện; Thăm hỏi, chúc mừng MTTQ; Hoạt động Thanh tra nhân dân và giám sát đầu tư cộng đồng;		167,000		167,000
	KP cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh" và nhiệm vụ khác		195,000		195,000
	KP chi hoạt động Ban CTMT các tổ dân phố		38,100		38,100
	KP mua phần mềm kế toán, chữ ký số DVC và BH, thuế		25,000		25,000
	KP Đại hội MTTQ nhiệm kỳ 2025-2030		-		
3.2	<i>Chi hoạt động Đoàn thanh niên</i>		<i>130,250</i>	-	<i>130,250</i>
	KP triển khai các hoạt động chuyên môn: Tổ chức các Hội nghị công tác đoàn; Đêm hội trăng rằm, các hoạt động kỷ niệm Ngày truyền thống Hội Liên hiệp thanh niên; Hoạt động hè và các nội dung khác		35,000		35,000
	KP tổ chức Đại hội đại biểu Đoàn TN nhiệm kỳ 2025 - 2030		-		
	KP hoạt động các chi đoàn		95,250		95,250
3.3	<i>Chi hoạt động Hội Liên hiệp phụ nữ</i>		<i>130,250</i>	-	<i>130,250</i>
	KP triển khai các hoạt động chuyên môn: Tổ chức Hội nghị BCH; tuyên truyền về phòng chống mua, bán người, trẻ em, phụ nữ; Các hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể thao kỷ niệm 20/10; Tổng kết công tác Hội năm 2025 và triển khai nhiệm vụ năm 2026.		35,000		35,000
	KP tổ chức Đại hội đại biểu Hội LHPN phường nhiệm kỳ 2025 -2030		-		
	KP hoạt động các chi hội		95,250		95,250
3.4	<i>Chi hoạt động Hội Cựu chiến binh</i>		<i>127,750</i>	-	<i>127,750</i>
	KP triển khai các hoạt động chuyên môn: Tổ chức HN BCH; Tổng kết phong trào CCB năm 2025 và triển khai nhiệm vụ năm 2026; Tổ chức các hoạt động kỷ niệm ngày Quân đội nhân dân Việt Nam, ngày hội Quốc phòng toàn dân; công tác thăm hỏi thặng quà nhân dịp 27/7 và một số nội dung chuyên môn khác.		32,500		32,500
	KP tổ chức Đại hội đại biểu Hội CCB nhiệm kỳ 2025 - 2030		-		
	KP hoạt động các chi hội		95,250		95,250
3.5	<i>Chi hoạt động Hội Nông dân</i>		<i>98,500</i>	-	<i>98,500</i>
	KP triển khai các hoạt động chuyên môn: Hội nghị BCH Hội Nông dân, các hoạt động kỷ niệm, hội nghị tổng kết công tác năm 2025 và triển khai nhiệm vụ năm 2026.		32,500		32,500
	KP tổ chức Đại hội đại biểu Hội ND nhiệm kỳ 2025 -				

2,338,000

=604122000+782028000+911850000

911850

-

CHI TIẾT GIAO DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2025
(Kèm theo Quyết định số 355/QĐ-UBND ngày 31/7/2025 của UBND phường Thành Đông)

ĐƠN VỊ: VĂN PHÒNG HĐND & UBND PHƯỜNG, MÃ QHNS: 1144306

Đơn vị tính: nghìn đồng

STT	TỔNG CHI NGÂN SÁCH	MÃ NGÀNH KINH TẾ	DỰ TOÁN GIAO NĂM 2025	TRONG ĐÓ	
				NGUỒN TỰ CHỦ (13)	NGUỒN KHÔNG TỰ CHỦ (12)
A	CHI ĐẦU TƯ XDCB				
B	CHI THƯỜNG XUYÊN	340-341	13,461,000	-	13,461,000
I	Chi thường xuyên KP không tự chủ		13,461,000	-	13,461,000
1	Văn phòng HĐND & UBND		6,879,000		6,879,000
2	Phòng Văn hoá - xã hội		3,713,000		3,713,000
3	Phòng Kinh tế, hạ tầng và đô thị		2,200,000		2,200,000
4	Trung tâm Văn hoá, thông tin và thể thao		669,000		669,000
II	Chi thường xuyên KP tự chủ		-	-	-

CHI TIẾT GIAO DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2025
(Kèm theo Quyết định số 355/QĐ-UBND ngày 31/7/2025 của UBND phường Thành Đông)

ĐƠN VỊ: VĂN PHÒNG HĐND&UBND PHƯỜNG, MÃ QHNS: 1144306

Đơn vị tính: nghìn đồng

STT	TỔNG CHI NGÂN SÁCH	MÃ NGÀNH KINH TẾ	DỰ TOÁN GIAO NĂM 2025	TRONG ĐÓ			
				NGUỒN TỰ CHỦ (13)	NGUỒN KHÔNG TỰ CHỦ (12)		
A	CHI ĐẦU TƯ XDCB						
B	CHI THƯỜNG XUYÊN	340-341	6,879,000	-	6,879,000	6,879,000	
I	Chi thường xuyên KP không tự chủ		6,879,000	-	6,879,000	-	
	Số biên chế: 14 người		-				
	Trong đó:		-				
1	Chi thường xuyên		1,210,000		1,210,000	1,209,612,690	
2	Chi phụ cấp cán bộ KCT, Tô trưởng tổ dân phố, Bí thư chi bộ, Phó các tổ dân phố		2,202,000		2,202,000	366,841,800	2,201,050,800
3	Công tác khảo sát mạng viễn thông, chuyên đội số Quốc gia		120,000		120,000		
4	Chi hoạt động, nghiệp vụ UBND		2,108,556		2,108,556		
5	Chi hoạt động, nghiệp vụ HĐND		241,000		241,000		
6	Chi phụ cấp đại biểu HĐND, kiêm nhiệm CT HĐND		366,444		366,444	61,074,000	366444000
7	Chi hợp đồng lao công, tạp vụ, bảo vệ		91,000		91,000	15,150,000	90,900,000
8	KP mua sắm trang thiết bị Trung tâm phục vụ Hành chính công		200,000		200,000		
9	Chi CB hưu xã		340,000		340,000	56,689,000	340134000
II	Chi thường xuyên KP tự chủ		-	-	-		

CHI TIẾT GIAO DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2025
(Kèm theo Quyết định số 355/QĐ-UBND ngày 31/7/2025 của UBND phường Thành Đông)

ĐƠN VỊ: PHÒNG VĂN HOÁ - XÃ HỘI, MÃ QHNS: 1144306

Đơn vị tính: nghìn đồng

STT	TỔNG CHI NGÂN SÁCH	MÃ NGÀNH KINH TẾ	DỰ TOÁN GIAO NĂM 2025	TRONG ĐÓ	
				NGUỒN TỰ CHỦ (13)	NGUỒN KHÔNG TỰ CHỦ (12)
A	CHI ĐẦU TƯ XDCB				
B	CHI THƯỜNG XUYÊN	340-341	3,713,000	-	3,713,000
I	Chi thường xuyên KP không tự chủ		3,713,000	-	3,713,000
	Số biên chế: 12 người		-		
	Trong đó:		-		
1	Chi thường xuyên		922,000		922,000
2	Chi nghiệp vụ		35,000		35,000
3	Chi hoạt động chuyên môn		2,756,000	-	2,756,000
3.1	<i>Chi lĩnh vực Nội vụ</i>		175,000		175,000
	Chi công tác Tôn giáo		45,000		45,000
	Quý thi đua khen thưởng		130,000		130,000
3.2	<i>Chi bảo đảm xã hội</i>		2,581,000	-	2,581,000
	Chi trả trợ cấp thường xuyên, trợ cấp mai táng..... Cho đối tượng BTXH theo ND 20/ND-CP		1,909,000		1,909,000
	Mai táng phí UQ, tiền điện hộ nghèo		564,000		564,000
	Kinh phí chi trả, hỗ trợ đột xuất, thu gom lang thang, chi khác.....		108,000		108,000
II	Chi thường xuyên KP tự chủ		-	-	-

921 tiền lương + 36tr HĐTX 02 ng CB huyện về (18tr/ng)+
175 lvu nội vụ (quỹ khen thưởng dựa trên số liệu khen thưởng của 4 phường hàng năm)

3713

BTXH: 1909

điện hộ nghèo: 564

KP bảo trợ của 4

phường còn dư - 340 hưu xã chuyển về Vp + 108tr Kinh phí chi trả, hỗ trợ đột xuất, thu gom

CHI TIẾT GIAO DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2025
(Kèm theo Quyết định số 355/QĐ-UBND ngày 31/7/2025 của UBND phường Thành Đông)

ĐƠN VỊ: PHÒNG KINH TẾ, HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ, MÃ QHNS: 1144306

Đơn vị tính: nghìn đồng

STT	TỔNG CHI NGÂN SÁCH	MÃ NGÀNH KINH TẾ	DỰ TOÁN GIAO NĂM 2025	TRONG ĐÓ	
				NGUỒN TỰ CHỦ (13)	NGUỒN KHÔNG TỰ CHỦ (12)
A	CHI ĐẦU TƯ XDCB				
B	CHI THƯỜNG XUYỀN	340-341	2,200,000	-	2,200,000
I	Chi thường xuyên KP không tự chủ		2,200,000	-	2,200,000
	Số biên chế: 11 người		-		
	Trong đó:		-		
1	Chi thường xuyên		913,000		913,000
2	Chi nghiệp vụ chung		150,000		150,000
3	Chi hoạt động chuyên môn		1,137,000	-	1,137,000
3.1	<i>Chi lĩnh vực Tài chính - Kế hoạch</i>		477,000	-	477,000
	KP triển khai các hoạt động như công tác giáo dục, thẩm định ngân sách, khảo sát giá lúa, giá đất, triển khai công tác tập huấn nghiệp vụ, công tác quyết toán và khoá sổ ngân sách, chi hoạt động của Hội đồng thẩm định giá đất, chi số hoá dữ liệu, cấp giấy phép ĐKKD, phần mềm Tài chính		180,000		180,000
	Xác định giá đất cụ thể phục vụ GPMB các dự án năm 2025 (2025-2030),		297,000		297,000
3.2	<i>Chi lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường</i>		460,000	-	460,000
	KP triển khai các hoạt động như công tác tuyên truyền bảo vệ môi trường; Phân loại và xử lý rác thải tại nguồn; Rà soát hộ nghèo, hộ thoát nghèo; Tiêm phòng chống dịch bệnh gia súc gia cầm; Hỗ trợ sản xuất nông nghiệp; Triển khai các mô hình sản xuất mới, chuyển đổi cơ cấu cây trồng/vật nuôi một số nhiệm vụ thường xuyên khác.....		120,000		120,000
	KP hoạt động Ban chỉ huy phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn và phòng thủ dân sự phường		100,000		100,000
	Chi hỗ trợ phòng chống dịch bệnh cây trồng, vật nuôi; thiên tai		70,000		70,000
	Chi quản lý, bảo trì nhỏ hạ tầng giao thông nông thôn, thủy lợi nội đồng		40,000		40,000
	Chi tổng kết, đánh giá nông thôn mới, hỗ trợ cải tạo vườn tạp		50,000		50,000
	Chi công tác khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư		80,000		80,000
3.3	<i>Chi lĩnh vực Xây dựng và Công thương</i>		200,000	-	200,000
	KP phòng chống buôn lậu và gian lận thương mại		20,000		20,000
	Chi hỗ trợ, hướng dẫn phát triển sản xuất kinh doanh, thương mại, dịch vụ		30,000		30,000
	KP duy trì, kiểm tra TTĐT: Kiểm kê đất đai, tài sản công và công tác quy hoạch		150,000		150,000
II	Chi thường xuyên KP tự chủ		-	-	-

2200000

-

912,621,938

CHI TIẾT GIAO DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 355/QĐ-UBND ngày 31/7/2025 của UBND phường Thành Đông)

ĐƠN VỊ: TRUNG TÂM VĂN HOÁ, THỂ THAO VÀ TRUYỀN THÔNG, MÃ QHNS: 1144306

Đơn vị tính: nghìn đồng

STT	TỔNG CHI NGÂN SÁCH	MÃ NGÀNH KINH TẾ	DỰ TOÁN GIAO NĂM 2025	TRONG ĐÓ	
				NGUỒN TỰ CHỦ (13)	NGUỒN KHÔNG TỰ CHỦ (12)
A	CHI ĐẦU TƯ XDCB				
B	CHI THƯỜNG XUYÊN	340-341	669,000	-	669,000
I	Chi thường xuyên KP không tự chủ		669,000	-	669,000
	Số biên chế: 5 người		-		
	Trong đó:		-		
1	Chi thường xuyên		248,000		248,000
2	Chi hoạt động tuyên truyền các ngày Lễ, Tết; Thay cờ, thay cấp, thực hiện các bản tin; Tổ chức các Chương trình văn hóa, văn nghệ, thể thao chào mừng các ngày lễ như ngày quốc khánh 2/9;		144,000		144,000
3	Mua sắm trang thiết bị phục vụ công tác chuyên môn, sửa chữa bảo dưỡng hệ thống truyền thanh		178,000		178,000
4	Chi hoạt động thể dục thể thao chào mừng thành công Đại hội Đại biểu Đảng bộ phường Thành Đông lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030		99,000		99,000
II	Chi thường xuyên KP tự chủ		-	-	-

570000

(99,000)

CHI TIẾT GIAO DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2025
(Kèm theo Quyết định số 355/QĐ-UBND ngày 31/7/2025 của UBND phường Thành Đông)

ĐƠN VỊ: AN NINH (THUỘC VP HBND&UBND), MÃ QHNS: 1144306

Đơn vị tính: nghìn đồng

STT	TỔNG CHI NGÂN SÁCH	MÃ NGÀNH KINH TẾ	DỰ TOÁN GIAO NĂM 2025	TRONG ĐÓ	
				NGUỒN TỰ CHỦ (13)	NGUỒN KHÔNG TỰ CHỦ (12)
A	CHI ĐẦU TƯ XDCB				
B	CHI THƯỜNG XUYÊN	040-041	1,862,000	-	1,862,000
I	Chi thường xuyên KP không tự chủ		1,862,000	-	1,862,000
1	Chi Phụ cấp lực lượng an ninh cơ sở		982,800		982,800
2	KP triển khai các hoạt động: Chi công tác PCCC; Đề án 06; Công tác phòng chống ma túy, cai nghiện, quản lý sau cai; Tuyên truyền pháp luật; phòng chống tội phạm; Công tác an ninh trật tự; Chống khai thác cát và một số nhiệm vụ khác....		450,000		450,000
3	KP thực hiện đề án Làng an toàn, KDC an toàn về ANTT		9,750		9,750
4	KP thực hiện đề án Làng an toàn, KDC an toàn về ANTT(phường)		6,000		6,000
5	Chi KP hoạt động theo NQ30		245,000		245,000
6	Sửa chữa một số cơ sở vật chất thiết yếu		168,450		168,450
II	Chi thường xuyên KP tự chủ		-	-	-

1,862,000	
-	
163,800,000	982,800,000
	117
	245,700

CHI TIẾT GIAO DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2025
(Kèm theo Quyết định số 355/QĐ-UBND ngày 31/7/2025 của UBND phường Thành Đông)

ĐƠN VỊ: QUÂN SỰ (THUỘC VP HĐND&UBND), MÃ QHNS: 1144306

Đơn vị tính: nghìn đồng

STT	TỔNG CHI NGÂN SÁCH	MÃ NGÀNH KINH TẾ	DỰ TOÁN GIAO NĂM 2025	TRONG ĐÓ	
				NGUỒN TỰ CHỦ (13)	NGUỒN KHÔNG TỰ CHỦ (12)
A	CHI ĐẦU TƯ XDCB				
B	CHI THƯỜNG XUYÊN	040-041	344,000	-	344,000
I	Chi thường xuyên KP không tự chủ		344,000	-	344,000
1	Chi thường xuyên		55,086		55,086
2	Chi hoạt động, phụ cấp lực lượng dân quân		220,000		220,000
3	Kinh phí triển khai các hoạt động như công tác khám, tuyển chọn nghĩa vụ quân sự; Thăm tặng quà tân binh lên đường nhập ngũ; Công tác trực phòng chống thiên tai, các ngày Lễ, Tết; Trang bị mô hình học cụ, bảng biển trụ sở và một số nhiệm vụ khác...		68,914		68,914
II	Chi thường xuyên KP tự chủ		-	-	-

344,000				
-		38	44,460	
55,085,940	55,130,400	44,460,000	#####	
	220,521,600	79,800		

CHI TIẾT GIAO DƯ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2025
(Kèm theo Quyết định số 355/QĐ-UBND ngày 31/7/2025 của UBND phường Thành Đông)

ĐƠN VỊ: PHÒNG VĂN HOÁ - XÃ HỘI (SỰ NGHIỆP Y TẾ; GIÁO DỤC; VHHT - TDTT),

Đơn vị tính: nghìn đồng

STT	TỔNG CHI NGÂN SÁCH	MÃ NGÀNH KINH TẾ	DỰ TOÁN GIAO NĂM 2025	TRONG ĐÓ	
				NGUỒN TỰ CHỦ (13)	NGUỒN KHÔNG TỰ CHỦ (12)
A	CHI ĐẦU TƯ XDCB				
B	CHI THƯỜNG XUYÊN		1.008,404	-	1.008,404
I	Chi thường xuyên KP không tự chủ		1.008,404	-	1.008,404
I	Sự nghiệp giáo dục	070-098	491,404	-	491,404
	Miễn giảm học phí theo ND 81		56,000		56,000
	Chi hỗ trợ tiền ăn trưa trẻ em 3, 4, 5 tuổi theo ND 105		11,520		11,520
	Chi hỗ trợ học bổng, phương tiện học tập cho người khuyết tật; chế độ GV và HS tại trường tư thục trên địa bàn có KCN theo ND 105		281,884		281,884
	Chi các Hội thi, hội nghị, phong trào, khen thưởng		8,000		8,000
	Chi tổng kết năm học 2024-2025 và triển khai nhiệm vụ năm học 2025-2026 toàn ngành; Hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học (3 cấp học); Sơ kết học kỳ I		8,000		8,000
	Chi tổ chức các chuyên đề, bồi dưỡng chuyên môn 3 cấp học: báo cáo viên, tài liệu, nước uống, trang trí khánh tiết		8,000		8,000
	Chi thăm, chúc mừng nhân dịp khai giảng năm học mới; các hoạt động nhân dịp Ngày Nhà giáo Việt Nam; Tết Trung thu tại các trường học và khu dân cư.		100,000		100,000
	Chi điều tra PCGD-XMC		5,000		5,000
	Chi các hoạt động Sự nghiệp Giáo dục (Phổ cập giáo dục và các hoạt động khác; trung tâm học tập cộng đồng...)		5,000		5,000
	Chi đào tạo học tập chính trị hệ, Chi đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn		8,000		8,000
2	Sự nghiệp y tế	130-139	151,000	-	151,000
	Kinh phí chi phục vụ công tác kiểm tra y tế tư nhân; phòng chống sốt xuất huyết; an toàn thực phẩm; nhà khoa học đường, y tế trường học, chăm sóc sức khoẻ, công tác tuyên truyền, khám tuyển NVQS và một số nhiệm vụ khác		151,000		151,000
3	Sự nghiệp VHHT	160-161	239,000	-	239,000
	Kinh phí tuyên truyền phục vụ công tác xây dựng chính quyền địa phương 2 cấp; uyển truyền KN 78 năm ngày TBLS 2/7/7, các hoạt động tổ chức KN ngày TBLS (Lễ thấp nền tri ân, thăm tặng quà, chăm sóc các NTLs,...); Phổ thông tài liệu và tuyên truyền, chi hỗ trợ các tổ công tác ở khu dân cư phục vụ công tác lấy phiếu ý kiến về thay đổi tên tổ dân phố; Tuyên truyền các ngày Lễ: 19/8; 02/9; 22/12; Tết dương lịch....		239,000		239,000
4	Sự nghiệp thể dục - thể thao	220-221	127,000	-	127,000
	Chi nghiệp vụ chuyên môn		77,000		77,000
	Kinh phí Chi hoạt động thể dục thể thao hè 2025		50,000		50,000
II	Chi thường xuyên KP tự chủ			-	

(1,008,404)

38 44,460

55,750,000
11,520,000
281,884,000
8,000,000
8,000,000
8,000,000
100,000,000
5,000,000
5,000,000
8,000,000

127000
77,000

CHI TIẾT GIAO DƯ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2025
(Kèm theo Quyết định số 355/QĐ-UBND ngày 31/7/2025 của UBND phường Thành Đông)

ĐƠN VỊ: PHÒNG KINH TẾ, HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ
(SỰ NGHIỆP MÔI TRƯỜNG; HOẠT ĐỘNG KINH TẾ KHÁC),
MÃ QHNS: 1144306

Đơn vị tính: nghìn đồng

STT	TỔNG CHI NGÂN SÁCH	MÃ NGÀNH KINH TẾ	DỰ TOÁN GIAO NĂM 2025	TRONG ĐÓ	
				NGUỒN TỰ CHỦ (13)	NGUỒN KHÔNG TỰ CHỦ (12)
A	CHI ĐẦU TƯ XDCB				
B	CHI THUỶNG XUYỀN		12,484,000	-	12,484,000
I	Chi thường xuyên KP không tự chủ		12,484,000	-	12,484,000
1	Sự nghiệp môi trường	250-278	12,171,000	-	12,171,000
	Chi phục vụ công tác thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt, vệ sinh môi trường công cộng trên địa bàn; Công tác QLDA; Nạo vét, khơi thông dòng chảy;		12,171,000		12,171,000
2	Sự nghiệp giao thông	280-292	44,000	-	44,000
	Chi hoạt động sự nghiệp giao thông		44,000		44,000
3	Sự nghiệp Nông nghiệp	280-281	19,000	-	19,000
	Chi hoạt động nông nghiệp		19,000		19,000
4	Sự nghiệp kinh tế khác	280-338	250,000	-	250,000
	Chi nghiệp vụ chuyên môn		250,000		250,000
II	Chi thường xuyên KP tự chủ		-	-	-

29,159,404

CHI TIẾT GIAO DỰ TOÁN CHI SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC NĂM 2025
(Kèm theo Quyết định số 355/QĐ-UBND ngày 31/7/2025 của UBND phường Thành Đông)

Đơn vị: Trường Mầm non An Thượng

Đơn vị tính: nghìn đồng

STT	TỔNG CHI NGÂN SÁCH	MÃ NGÀNH KINH TẾ	DỰ TOÁN GIAO NĂM 2025	TRONG ĐÓ	
				NGUỒN TỰ CHỦ (13)	NGUỒN KHÔNG TỰ CHỦ (12)
	<u>TỔNG CHI</u>	070-071	9,969,000	7,869,000	2,100,000
I	Chi thường xuyên KP tự chủ		7,869,000	7,869,000	
1	<i>Kinh phí lương, phụ cấp, các khoản đóng góp theo lương</i>		7,613,000	7,613,000	
2	<i>Chi hoạt động chuyên môn</i>		256,000	256,000	
II	Chi thường xuyên KP không tự chủ		2,100,000	-	2,100,000
	Chi sửa chữa CSVC		2,100,000		2,100,000

7,613,252
255,869

CHI TIẾT GIAO DỰ TOÁN CHI SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC NĂM 2025
(Kèm theo Quyết định số 355/QĐ-UBND ngày 31/7/2025 của UBND phường Thành Đông)

Đơn vị: Trường Mầm non Bình Hàn

Đơn vị tính: nghìn đồng

STT	TỔNG CHI NGÂN SÁCH	MÃ NGÀNH KINH TẾ	DỰ TOÁN GIAO NĂM 2025	TRONG ĐÓ	
				NGUỒN TỰ CHỦ (13)	NGUỒN KHÔNG TỰ CHỦ (12)
	<u>TỔNG CHI</u>	070-071	5,785,000	5,785,000	-
I	Chi thường xuyên KP tự chủ		5,785,000	5,785,000	
1	<i>Kinh phí lương, phụ cấp, các khoản đóng góp theo lương</i>		5,554,000	5,554,000	
2	<i>Chi hoạt động chuyên môn</i>		231,000	231,000	
II	Chi thường xuyên KP không tự chủ		-	-	-
	Chi sửa chữa CSVC		-		-

5,553,680
231,240

CHI TIẾT GIAO DỰ TOÁN CHI SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC NĂM 2025
(Kèm theo Quyết định số 355/QĐ-UBND ngày 31/7/2025 của UBND phường Thành Đông)

Đơn vị: Trường Mầm non Cẩm Thượng

Đơn vị tính: nghìn đồng

STT	TỔNG CHI NGÂN SÁCH	MÃ NGÀNH KINH TẾ	DỰ TOÁN GIAO NĂM 2025	TRONG ĐÓ	
				NGUỒN TỰ CHỦ (13)	NGUỒN KHÔNG TỰ CHỦ (12)
	TỔNG CHI	070-071	5,751,000	5,751,000	-
I	Chi thường xuyên KP tự chủ		5,751,000	5,751,000	
1	<i>Kinh phí lương, phụ cấp, các khoản đóng góp theo lương</i>		5,501,000	5,501,000	
2	<i>Chi hoạt động chuyên môn</i>		250,000	250,000	
II	Chi thường xuyên KP không tự chủ		-	-	-
	Chi sửa chữa CSVC		-	-	-

5,500,985

250,489

CHI TIẾT GIAO DỰ TOÁN CHI SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC NĂM 2025
(Kèm theo Quyết định số 355/QĐ-UBND ngày 31/7/2025 của UBND phường Thành Đông)

Đơn vị: Trường Mầm non Nguyễn Trãi

Đơn vị tính: nghìn đồng

STT	TỔNG CHI NGÂN SÁCH	MÃ NGÀNH KINH TẾ	DỰ TOÁN GIAO NĂM 2025	TRONG ĐÓ	
				NGUỒN TỰ CHỦ (13)	NGUỒN KHÔNG TỰ CHỦ (12)
	TỔNG CHI	070-071	5,697,000	5,697,000	-
I	Chi thường xuyên KP tự chủ		5,697,000	5,697,000	
1	<i>Kinh phí lương, phụ cấp, các khoản đóng góp theo lương</i>		5,479,000	5,479,000	
2	<i>Chi hoạt động chuyên môn</i>		218,000	218,000	
II	Chi thường xuyên KP không tự chủ		-	-	-
	Chi sửa chữa CSVC		-	-	-

5,478,953

217,781

CHI TIẾT GIAO DỰ TOÁN CHI SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC NĂM 2025
(Kèm theo Quyết định số 355/QĐ-UBND ngày 31/7/2025 của UBND phường Thành Đông)

Đơn vị: Trường Tiểu học An Thượng

Đơn vị tính: nghìn đồng

STT	TỔNG CHI NGÂN SÁCH	MÃ NGÀNH KINH TẾ	DỰ TOÁN GIAO NĂM 2025	TRONG ĐÓ	
				NGUỒN TỰ CHỦ (13)	NGUỒN KHÔNG TỰ CHỦ (12)
	<u>TỔNG CHI</u>	070-072	7,790,000	6,590,000	1,200,000
I	Chi thường xuyên KP tự chủ		6,590,000	6,590,000	
1	<i>Kinh phí lương, phụ cấp, các khoản đóng góp theo lương</i>		6,084,000	6,084,000	6,083,612
2	<i>Chi hoạt động chuyên môn</i>		506,000	506,000	506,500
II	Chi thường xuyên KP không tự chủ		1,200,000	-	1,200,000
	Chi sửa chữa CSVC		1,200,000		1,200,000

CHI TIẾT GIAO DỰ TOÁN CHI SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 355/QĐ-UBND ngày 31/7/2025 của UBND phường Thành Đông)

Đơn vị: Trường Tiểu học Bình Hàn

Đơn vị tính: nghìn đồng

STT	TỔNG CHI NGÂN SÁCH	MÃ NGÀNH KINH TẾ	DỰ TOÁN GIAO NĂM 2025	TRONG ĐÓ	
				NGUỒN TỰ CHỦ (13)	NGUỒN KHÔNG TỰ CHỦ (12)
	<u>TỔNG CHI</u>	070-072	11,089,000	9,989,000	1,100,000
I	Chi thường xuyên KP tự chủ		9,989,000	9,989,000	
1	<i>Kinh phí lương, phụ cấp, các khoản đóng góp theo lương</i>		9,556,000	9,556,000	9,556,144
2	<i>Chi hoạt động chuyên môn</i>		433,000	433,000	432,720
II	Chi thường xuyên KP không tự chủ		1,100,000	-	1,100,000
	Chi sửa chữa CSVC		1,100,000		1,100,000

CHI TIẾT GIAO DỰ TOÁN CHI SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 355/QĐ-UBND ngày 31/7/2025 của UBND phường Thành Đông)

Đơn vị: Trường Tiểu học Cẩm Thượng

Đơn vị tính: nghìn đồng

STT	TỔNG CHI NGÂN SÁCH	MÃ NGÀNH KINH TẾ	DỰ TOÁN GIAO NĂM 2025	TRONG ĐÓ	
				NGUỒN TỰ CHỦ (13)	NGUỒN KHÔNG TỰ CHỦ (12)
	<u>TỔNG CHI</u>	070-072	7,022,000	7,022,000	-
I	Chi thường xuyên KP tự chủ		7,022,000	7,022,000	
1	<i>Kinh phí lương, phụ cấp, các khoản đóng góp theo lương</i>		6,586,000	6,586,000	
2	<i>Chi hoạt động chuyên môn</i>		436,000	436,000	
II	Chi thường xuyên KP không tự chủ		-	-	-
	Chi sửa chữa CSVC		-		-

6,586,405

435,420

CHI TIẾT GIAO DỰ TOÁN CHI SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 355/QĐ-UBND ngày 31/7/2025 của UBND phường Thành Đông)

Đơn vị: Trường Tiểu học Đình Văn Tả

Đơn vị tính: nghìn đồng

STT	TỔNG CHI NGÂN SÁCH	MÃ NGÀNH KINH TẾ	DỰ TOÁN GIAO NĂM 2025	TRONG ĐÓ	
				NGUỒN TỰ CHỦ (13)	NGUỒN KHÔNG TỰ CHỦ (12)
	<u>TỔNG CHI</u>	070-072	7,437,000	6,252,000	1,185,000
I	Chi thường xuyên KP tự chủ		6,252,000	6,252,000	
1	<i>Kinh phí lương, phụ cấp, các khoản đóng góp theo lương</i>		5,816,000	5,816,000	
2	<i>Chi hoạt động chuyên môn</i>		436,000	436,000	
II	Chi thường xuyên KP không tự chủ		1,185,000	-	1,185,000
	Chi sửa chữa CSVC		1,185,000		1,185,000

5,815,596

435,960

1,185,000

CHI TIẾT GIAO DỰ TOÁN CHI SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 355/QĐ-UBND ngày 31/7/2025 của UBND phường Thành Đông)

Đơn vị: Trường Tiểu học Nguyễn Trãi

Đơn vị tính: nghìn đồng

STT	TỔNG CHI NGÂN SÁCH	MÃ NGÀNH KINH TẾ	DỰ TOÁN GIAO NĂM 2025	TRONG ĐÓ	
				NGUỒN TỰ CHỦ (13)	NGUỒN KHÔNG TỰ CHỦ (12)
	<u>TỔNG CHI</u>	070-072	14,052,000	11,452,000	2,600,000
I	Chi thường xuyên KP tự chủ		11,452,000	11,452,000	
1	<i>Kinh phí lương, phụ cấp, các khoản đóng góp theo lương</i>		10,981,000	10,981,000	10,981,801
2	<i>Chi hoạt động chuyên môn</i>		471,000	471,000	470,560
II	Chi thường xuyên KP không tự chủ		2,600,000	-	2,600,000
	Chi sửa chữa CSVC		2,600,000		2,600,000

CHI TIẾT GIAO DỰ TOÁN CHI SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 355/QĐ-UBND ngày 31/7/2025 của UBND phường Thành Đông)

Đơn vị: Trường THCS An Thượng

Đơn vị tính: nghìn đồng

STT	TỔNG CHI NGÂN SÁCH	MÃ NGÀNH KINH TẾ	DỰ TOÁN GIAO NĂM 2025	TRONG ĐÓ	
				NGUỒN TỰ CHỦ (13)	NGUỒN KHÔNG TỰ CHỦ (12)
	<u>TỔNG CHI</u>	070-073	6,162,000	6,162,000	-
I	Chi thường xuyên KP tự chủ		6,162,000	6,162,000	
1	<i>Kinh phí lương, phụ cấp, các khoản đóng góp theo lương</i>		5,700,000	5,700,000	5,700,278
2	<i>Chi hoạt động chuyên môn</i>		462,000	462,000	462,070
II	Chi thường xuyên KP không tự chủ		-	-	-
	Chi sửa chữa CSVC		-		-

CHI TIẾT GIAO DỰ TOÁN CHI SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 355/QĐ-UBND ngày 31/7/2025 của UBND phường Thành Đông)

Đơn vị: Trường Trung học cơ sở Bình Hàn

Đơn vị tính: nghìn đồng

STT	TỔNG CHI NGÂN SÁCH	MÃ NGÀNH KINH TẾ	DỰ TOÁN GIAO NĂM 2025	TRONG ĐÓ	
				NGUỒN TỰ CHỦ (13)	NGUỒN KHÔNG TỰ CHỦ (12)
	TỔNG CHI	070-073	10,489,000	9,289,000	1,200,000
			9,289,000	9,289,000	
I	Chi thường xuyên KP tự chủ				
1	<i>Kinh phí lương, phụ cấp, các khoản đóng góp theo lương</i>		8,948,000	8,948,000	
2	<i>Chi hoạt động chuyên môn</i>		341,000	341,000	
II	Chi thường xuyên KP không tự chủ		1,200,000	-	1,200,000
	Chi sửa chữa CSVC		1,200,000		1,200,000

8,948,032

341,139

1,200,000

CHI TIẾT GIAO DỰ TOÁN CHI SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC NĂM 2025
(Kèm theo Quyết định số 355/QĐ-UBND ngày 31/7/2025 của UBND phường Thành Đông)

Đơn vị: Trường Trung học cơ sở Cẩm Thượng

Đơn vị tính: nghìn đồng

STT	TỔNG CHI NGÂN SÁCH	MÃ NGÀNH KINH TẾ	DỰ TOÁN GIAO NĂM 2025	TRONG ĐÓ	
				NGUỒN TỰ CHỦ (13)	NGUỒN KHÔNG TỰ CHỦ (12)
	TỔNG CHI	070-073	7,454,000	5,254,000	2,200,000
			5,254,000	5,254,000	
I	Chi thường xuyên KP tự chủ				
1	<i>Kinh phí lương, phụ cấp, các khoản đóng góp theo lương</i>		4,931,000	4,931,000	
2	<i>Chi hoạt động chuyên môn</i>		323,000	323,000	
II	Chi thường xuyên KP không tự chủ		2,200,000	-	2,200,000
	Chi sửa chữa CSVC		2,200,000		2,200,000

4,930,588

322,646

2,200,000

CHI TIẾT GIAO DỰ TOÁN CHI SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 355/QĐ-UBND ngày 31/7/2025 của UBND phường Thành Đông)

Đơn vị: Trường Trung học cơ sở Trần Phú

Đơn vị tính: nghìn đồng

STT	TỔNG CHI NGÂN SÁCH	MÃ NGÀNH KINH TẾ	DỰ TOÁN GIAO NĂM 2025	TRONG ĐÓ	
				NGUỒN TỰ CHỦ (13)	NGUỒN KHÔNG TỰ CHỦ (12)
	<u>TỔNG CHI</u>	070-073	7,057,000	7,057,000	-
I	Chi thường xuyên KP tự chủ		7,057,000	7,057,000	
1	<i>Kinh phí lương, phụ cấp, các khoản đóng góp theo lương</i>		<i>6,736,000</i>	<i>6,736,000</i>	
2	<i>Chi hoạt động chuyên môn</i>		<i>321,000</i>	<i>321,000</i>	
II	Chi thường xuyên KP không tự chủ		-	-	-
	Chi sửa chữa CSVC		-		-

6,736,033

321,370

TÊN ĐƠN VỊ: VĂN PHÒNG HĐND & UBND
CHƯƠNG: 800

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

ĐƠN VỊ : VĂN PHÒNG HĐND & UBND

MÃ SỐ ĐƠN VỊ: 1144306

MÃ KBNN NƠI GIAO DỊCH: 0077 - PHÒNG GIAO DỊCH SỐ 5 - KBNN KHU VỰC III

(Kèm theo Quyết định số 355/QĐ-UBND ngày 31/7/2025 của UBND phường Thành Đông)

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	Tổng số
	Tổng cộng	29,159,000,000
A	Chi Đầu tư	
B	Chi thường xuyên	29,159,000,000
1	Chi quản lý hành chính (Mã loại 340 khoản 341)	9,871,000,000
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ (nguồn 13)	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ (mã nguồn 12)	9,871,000,000
2	Chi quản lý hành chính (Mã loại 340 khoản 351)	-
2.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ (nguồn 13)	
2.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ (mã nguồn 12)	
3	Chi sự nghiệp bảo đảm xã hội (Mã loại 340 khoản 398)	2,921,000,000
3.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ (nguồn 13)	
3.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ (nguồn 12)	2,921,000,000
4	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề (Mã loại 070 khoản 098)	491,000,000
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên (mã nguồn 13)	
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên (mã nguồn 12)	491,000,000
5	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình (Mã loại 130 khoản 139)	151,000,000
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên (nguồn 13)	
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên (nguồn 12)	151,000,000
6	Chi bảo đảm xã hội (Mã loại 370 khoản 398)	250,000,000
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên (nguồn 13)	
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên (nguồn 12)	250,000,000
7	Chi sự nghiệp kinh tế (Mã loại 280 khoản 281)	19,000,000
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên (nguồn 13)	
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên (nguồn 12)	19,000,000
8	Chi sự nghiệp kinh tế (Mã loại 280; khoản 292)	44,000,000
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên (nguồn 13)	
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên (nguồn 12)	44,000,000
9	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường (Mã loại 250 khoản 278)	12,171,000,000
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên (nguồn 13)	
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên (nguồn 12)	12,171,000,000
10	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin (Mã loại 160 khoản 161)	610,000,000
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên (nguồn 13)	248,000,000
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên (nguồn 12)	362,000,000
11	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình (Mã loại 190 khoản 191)	199,000,000
11.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên (nguồn 13)	
11.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên (nguồn 12)	199,000,000
12	Chi sự nghiệp thể dục thể thao (Mã loại 220 khoản 221)	226,000,000

29,516,000,000

12.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên (nguồn 13)	
12.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên (nguồn 12)	226,000,000
13	Chi quốc phòng (Mã loại 010 khoản 011)	344,000,000
13.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên (nguồn 13)	
13.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên (nguồn 12)	344,000,000
14	Chi an ninh (Mã loại 040 khoản 041)	1,862,000,000
14.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên (nguồn 13)	
14.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên (nguồn 12)	1,862,000,000